

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Quảng Trị, tháng 4 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
(Năm 2019)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/03/2017;
- Vốn điều lệ : **84.000.000.000 VND** (Tám mươi tư tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **105.131.861.877 VND** (*căn cứ theo BCTC đã kiểm toán năm 2019*)
- Địa chỉ : Số 01 Phan Bội Châu – Đông Hà – Quảng Trị
- Số điện thoại : 0233 3851 151/3853 031
- Số fax : 0233 3852 695
- Website : www.sepon.com.vn
- Mã cổ phiếu : SEP

***Quá trình hình thành và phát triển :**

- Tháng 5/1973: Thành lập Đại lý Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1974: Nâng cấp thành Công ty Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1977: Thành lập Công ty Thương nghiệp Đông Hà;
- Năm 1992: Thành lập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị;
- Tháng 1/1993: Hợp nhất Công ty Thương nghiệp Đông Hà và Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị, thành lập Công ty Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 4/1995: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Q.Trị tại TP Hồ Chí Minh;
- Tháng 11/1999: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo;
- Tháng 12/2003: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Xi nghiệp Thương - mại Việt Lào, nay đổi thành Chi nhánh XNK SEPON;
- Tháng 3/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hoá;

- Ngày 21/3/2004: Sản xuất thành công Tinh bột sắn nhãn hiệu SEPON;
- Tháng 7/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Khách sạn SEPON;
- Tháng 6/2006: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Trung tâm lữ hành SEPON;
- Tháng 4/2009: chuyển đổi thành Công ty Cổ phần lữ hành SEPON;
- Tháng 10/2006: Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 7/2008: Thành lập Trung tâm thương mại ATúc;
- Năm 2009: Xây dựng Trung tâm dịch vụ Làng Vây;
- Tháng 2/2009: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị tại An Giang;
- Tháng 3/2010: Thành lập Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp;
- Tháng 4/2011: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà;
- Tháng 8/2012: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến mủ cao su Cam Lộ;
- Tháng 5/2014: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị- Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ;
- Tháng 12/2014: Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị sang Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị theo quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV TM Quảng Trị thành Công ty cổ phần;
- Tháng 4/2015: Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị - Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt.
- Ngày 16/11/2017 : Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị chính thức trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 03/10/2019. Lần đầu tiên Công ty thoái vốn nhà nước 2.400.000 cổ phiếu, giảm tỷ lệ nhà nước xuống còn 22,6%.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng tiêu dùng;
- + Sản xuất và xuất khẩu Tinh bột sắn và các mặt hàng nông sản khác;

- + Dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng;
- + Chế biến mủ cao su, sản xuất viên nén năng lượng.

- Sản phẩm dịch vụ:

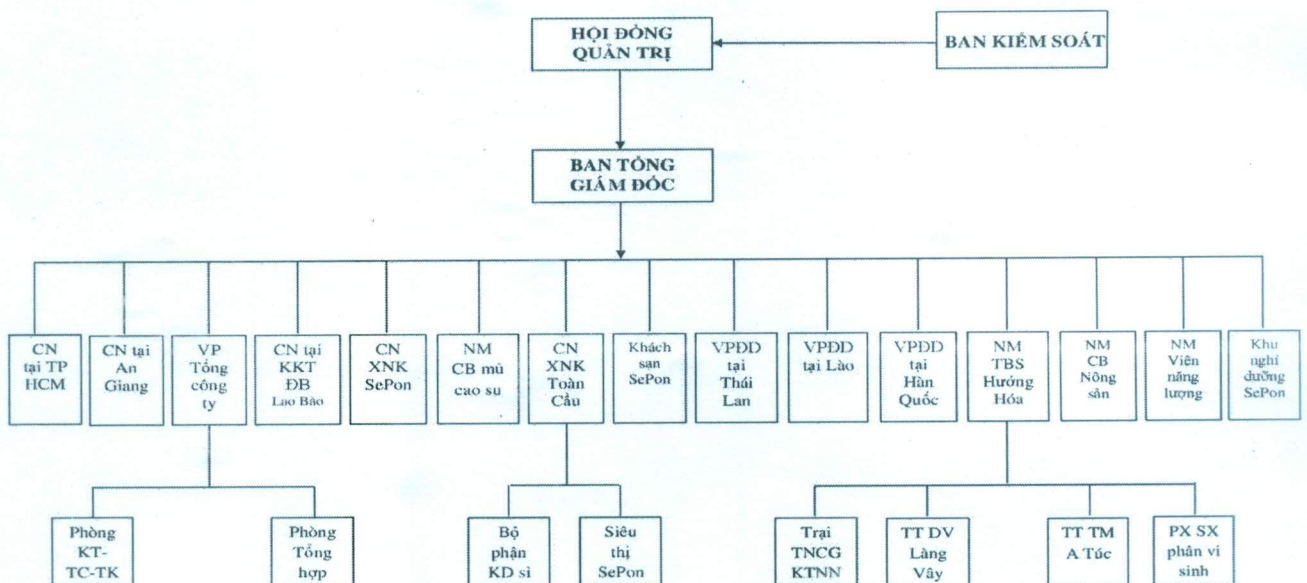
- + Hàng tiêu dùng Thái Lan (Nhựa, hoá mỹ phẩm, ..).
- + Tinh bột sắn, hồ tiêu, cao su, viên nén năng lượng.
- + Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, nghỉ dưỡng, lữ hành nội địa, quốc tế;
- + Cao su, Viên nén năng lượng, Thức ăn chăn nuôi;

- Địa bàn kinh doanh:

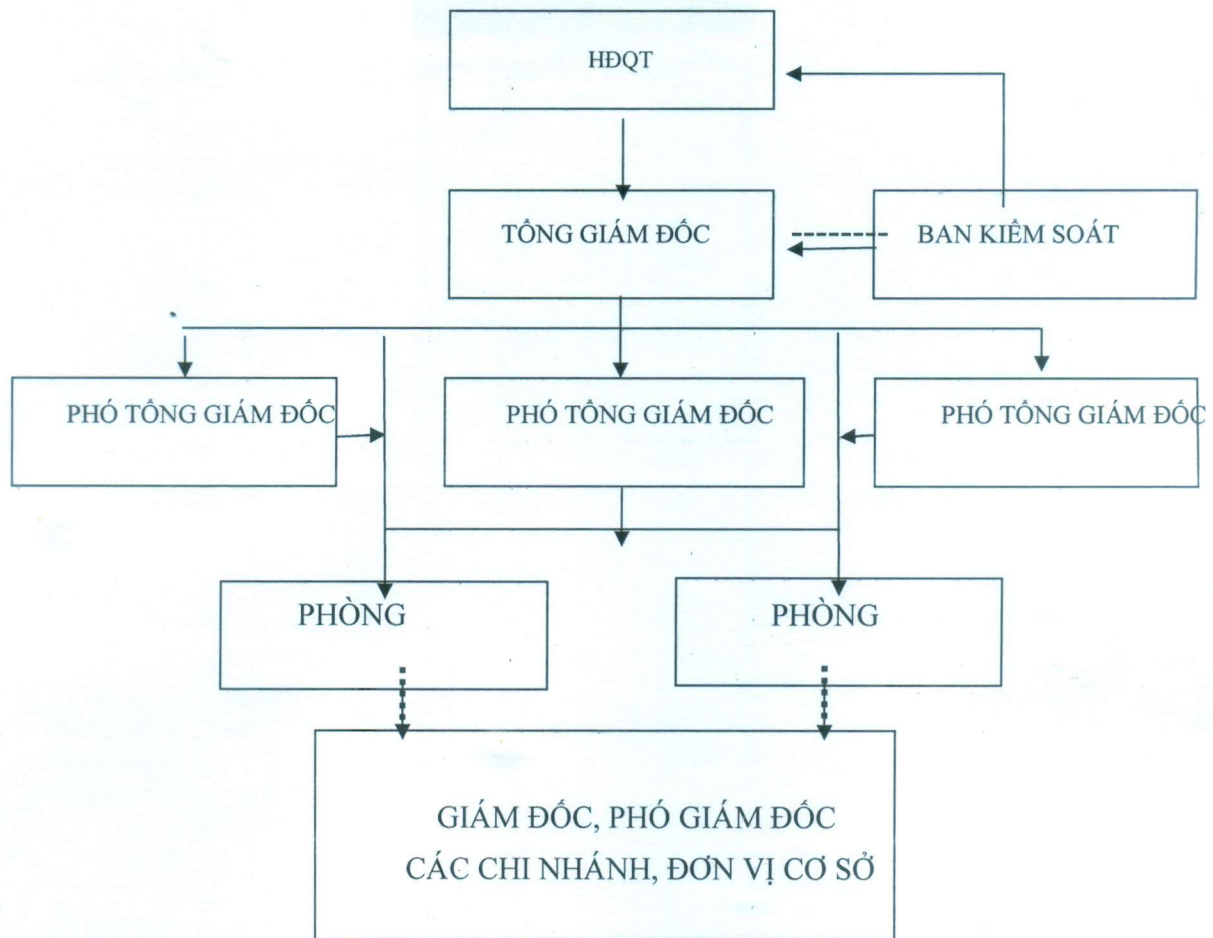
- + Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị :



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý :



- Hội đồng quản trị

Hội đồng có 4 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ do Tổng Giám đốc phân công.

*** Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cổ đông Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình như: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

- Theo dõi phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở, cung cấp thông tin về tài chính, kinh tế cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch SXKD và đầu tư của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn, quản lý tài sản nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện công tác hoạch toán kế toán, thống kê theo Luật kế toán, thống kê và Điều lệ của Công ty, xác định và phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kết quả kiểm kê tài sản, nguồn vốn, thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

*** Phòng Tổng hợp:**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách bảo hiểm, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyển dụng, điều phối lao động, qly nguồn nhân lực.

- Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, kiểm tra đôn đốc tất cả CBCNV lao động thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Công ty, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty.

- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, Phòng chống bảo lụt, Tổ chức các Hội nghị khánh tiết của Công ty.

- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Công ty, xử lý các thông tin theo chức năng và thẩm quyền, soạn thảo và trình Tổng giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.

- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu và các tài liệu của Công ty đảm bảo chính xác, kịp thời và an toàn.

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn nội bộ trong toàn Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

*** Công ty có các chi nhánh như sau:**

STT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hoá	Xã Thuận, Hướng Hóa, Quảng Trị	Sản xuất và xuất khẩu: Tinh bột sắn, phân vi sinh, bã sắn
2	Khách sạn SEPON	Khu KTTMĐB Lao Bảo, Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành quốc tế, nội địa
3	Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà	Khu CN Nam Đông Hà, TP Đông Hà, Quảng Trị	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản: tiêu, gạo, trà các loại, lạc, bã sắn, thức ăn chăn nuôi.

4	Nhà máy Chế biến mủ cao su Cam Lộ	Xã Cam Chính, Huyện Cam Lộ, Quảng Trị	Sản xuất và kinh doanh mặt hàng cao su SVR10, SVR3L
5	Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ	Cụm Công nghiệp Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị	Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ: viên nén, gỗ ép, gỗ ghép thanh
6	Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt:	Khu nghỉ dưỡng SePon resort, Thị trấn Cửa Việt, Gio Linh, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, nghỉ dưỡng, tổ chức các sự kiện...
7	Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP HCM	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
8	Chi nhánh Công ty tại Khu Kinh tế TMĐB Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
9	Chi nhánh XNK SEPON	Tầng 2, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, gỗ, cao su
10	Chi nhánh Công ty tại An Giang	Tòa nhà Tầng 1, số 7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP HCM.	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
11	Chi nhánh xuất nhập khẩu Toàn Cầu	Tầng 3, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc

3.3 Các công ty con, công ty liên kết : Công ty CP lữ hành SePon là đơn vị công ty có góp vốn 211.000.000 đồng, chuyên lữ hành nội địa và quốc tế.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ du lịch gắn liền với nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy sự phát triển các vùng nông thôn, miền núi.

- Phát triển gắn liền với nông nghiệp, nông thôn và nông dân: Phát triển rộng khắp các mô hình nông nghiệp có hiệu quả, trên cơ sở chuyển giao kỹ thuật, cung ứng giống, thức ăn cũng như bao tiêu sản phẩm nông sản cho nông dân; tham gia phục hồi và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng tại các địa phương, đưa thương hiệu nông đặc sản trong tỉnh ra thị trường trong nước và thế giới.

- Phát triển sản xuất phân vi sinh chất lượng cao, giá rẻ (đặc biệt cho cây sắn) và sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc hướng đến mục tiêu tái đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

- Mở rộng sản xuất kinh doanh sang nước bạn Lào, Thái Lan và Trung Quốc; khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng về du lịch, dịch vụ trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tìm kiếm, mở rộng thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng ổn định, bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tập trung khai thác, phát triển, đầu tư công nghệ mới để tăng tính cạnh tranh, tăng doanh thu. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư hoàn thiện các dự án của Công ty, mở rộng địa bàn hoạt động, khai thác và tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế về kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu thụ, cung ứng, bao tiêu để đa dạng hóa ngành nghề.

- Đảm bảo nhân sự của Công ty hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả.

- Khuyến khích người lao động tham gia sáng tạo trong SXKD, đưa nhiều ý tưởng, sáng kiến hay cách làm mới để tiết giảm chi phí, tiết kiệm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tập trung tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, ngành nghề phù hợp với lợi thế hiện có của Công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

- Kiểm soát chi phí, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường hội nhập, mở rộng bạn hàng, đối tác, chuyển hướng thị trường sang các nước Hàn Quốc, Philipin, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Mỹ và các nước Châu Âu để giảm sự lệ thuộc thị trường Trung Quốc.

- Các mục tiêu phát triển bền vững :

- Củng cố và duy trì các mặt hàng, nguồn hàng, ngành hàng và tìm thị trường đầu ra ổn định hơn cho các sản phẩm của Công ty sản xuất và kinh doanh.

- Kế thừa và phát huy tốt hơn thị trường, bạn hàng truyền thống của Công ty, đầu tư sâu vào các sản phẩm để nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm cạnh tranh.

- Chú trọng nhiều hơn việc sản xuất các sản phẩm sạch và giữ gìn tốt vệ sinh môi trường, quy hoạch các vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất lâu dài cho các nhà máy.

- Đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân, nhất là các sản phẩm của tỉnh nhà đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến như: Tiêu Cù, Tinh bột sắn, Cao su, viên nén, gỗ xẻ FSC...

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải vừa đảm bảo được mục tiêu phát triển vừa bảo vệ được môi trường.

- Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu vùng xa.

- Mở rộng các văn phòng đại diện trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Ổn định đời sống, công ăn việc làm và tăng thu nhập ngày càng cao cho CBCNV và người lao động.

5. Các rủi ro:

cấu lại công tác quản lý, tổ chức sản xuất, đầu tư cải thiện chất lượng, thương hiệu, tích cực vận động bà con bón phân, mở rộng đại lý bán cho các hợp tác xã nông nghiệp, các nông trường, tìm kiếm thị trường đầu ra, nhưng mặt hàng này luôn có sự cạnh tranh mạnh với các sản phẩm truyền thống cùng loại.

b. Chế biến tại Nhà máy CB mủ cao su:

Trong năm 2019, giá cao su thế giới vẫn tiếp tục biến động, diễn biến khó lường, nguồn nguyên liệu vẫn tiếp tục thiếu hụt, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà máy về vùng nguyên liệu, thị trường đầu ra. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất lớn và tình hình xuất khẩu cao su vào thị trường Trung Quốc. Đứng trước thuận lợi và thách thức đó, với sự nỗ lực quyết tâm của tập thể CBCNV nhà máy, sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty, Nhà máy đã đạt một số chỉ tiêu, cụ thể: đã thu mua, gia công sản xuất được 4.049 tấn, trong đó gia công 1.012 tấn, thu mua sản xuất được 3.037 tấn đạt 82% KH, doanh thu đạt 129 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, góp phần cùng công ty hoàn thành các chỉ tiêu đề ra;

c. Sản xuất tại Nhà máy viên nén năng lượng:

Hoạt động SXKD của Nhà máy viên nén năng lượng năm 2019 đã có những cải thiện đáng kể, máy móc thiết bị dần hoạt động ổn định, sản lượng, doanh thu tăng, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng yêu cầu thị trường, nhưng vẫn gặp khó khăn, mặc dầu được sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty và cố gắng của toàn thể CBCNV nhà máy nhưng kết quả vẫn không đạt như mong muốn, do giá nguyên liệu, thành phẩm, thị trường đầu vào cao, giá đầu ra đối với sản phẩm chủ lực gỗ xẻ và viên nén thấp, không ổn định; Kết quả năm 2019. sản xuất: 9.296 tấn viên gỗ nén/ kế hoạch 10.000 tấn đạt 93% KH; Gỗ xẻ chi tiết 3.206m³ /KH 2.800 m³ đạt 114,5% KH; Sàn gỗ vĩ nhựa 268 m²/KH 500 m² đạt 53,6% KH, doanh thu đạt 42,405 tỷ đồng/ kế hoạch 41,7 tỷ đồng đạt 101,7%.

d. Chế biến tại Nhà máy nông sản:

Trong năm qua, Nhà máy đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao như: Bán hàng lưu động bình ổn giá, bán hàng nông sản, dự trữ hàng hóa PC bảo lụt, tham gia các hoạt động chính trị như : Hội chợ, triển lãm... việc quảng bá nâng cao giá trị và tạo thương hiệu nông sản tỉnh nhà; trong thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản cũng như sản xuất và tiêu thụ TACN, tuy thiết bị dây chuyền SXTACN đã ổn định hoạt động tốt nhưng vẫn chưa khai thác hết công suất do dịch bệnh tả lợn châu phi, nên sản xuất cầm chừng, chỉ tập trung sản xuất thức ăn cho gà và vịt, nhưng sản lượng bán đầu ra thấp, đã ảnh hưởng đến chi phí giá thành sản xuất. Doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 36,4 tỷ đồng/ kế hoạch 44 tỷ đồng đạt 82,7% KH, trong đó TACN thực hiện đạt 10,3 tỷ đồng/kế hoạch 12,6 tỷ đồng; hàng nông sản các loại 26,1 tỷ đồng /kế hoạch 31,4 tỷ đồng. Năm 2019 Nhà

câu lại công tác quản lý, tổ chức sản xuất, đầu tư cải thiện chất lượng, thương hiệu, tích cực vận động bà con bón phân, mở rộng đại lý bán cho các hợp tác xã nông nghiệp, các nông trường, tìm kiếm thị trường đầu ra, nhưng mặt hàng này luôn có sự cạnh tranh mạnh với các sản phẩm truyền thống cùng loại.

b. Chế biến tại Nhà máy CB mủ cao su:

Trong năm 2019, giá cao su thế giới vẫn tiếp tục biến động, diễn biến khó lường, nguồn nguyên liệu vẫn tiếp tục thiếu hụt, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà máy về vùng nguyên liệu, thị trường đầu ra. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất lớn và tình hình xuất khẩu cao su vào thị trường Trung Quốc. Đứng trước thuận lợi và thách thức đó, với sự nỗ lực quyết tâm của tập thể CBCNV nhà máy, sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty, Nhà máy đã đạt một số chỉ tiêu, cụ thể: đã thu mua, gia công sản xuất được 4.049 tấn, trong đó gia công 1.012 tấn, thu mua sản xuất được 3.037 tấn đạt 82% KH, doanh thu đạt 129 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, góp phần cùng công ty hoàn thành các chỉ tiêu đề ra;

c. Sản xuất tại Nhà máy viên nén năng lượng:

Hoạt động SXKD của Nhà máy viên năng lượng năm 2019 đã có những cải thiện đáng kể, máy móc thiết bị dần hoạt động ổn định, sản lượng, doanh thu tăng, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng yêu cầu thị trường, nhưng vẫn gặp khó khăn, mặc dầu được sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty và cố gắng của toàn thể CBCNV nhà máy nhưng kết quả vẫn không đạt như mong muốn, do giá nguyên liệu, thành phẩm, thị trường đầu vào cao, giá đầu ra đối với sản phẩm chủ lực gỗ xẻ và viên nén thấp, không ổn định; Kết quả năm 2019. sản xuất: 9.296 tấn viên gỗ nén/ kế hoạch 10.000 tấn đạt 93% KH; Gỗ xẻ chi tiết 3.206m^3 /KH 2.800m^3 đạt 114,5% KH; Sản gỗ vĩ nhựa 268m^2 /KH 500m^2 đạt 53,6% KH, doanh thu đạt 42,405 tỷ đồng/ kế hoạch 41,7 tỷ đồng đạt 101,7%.

d. Chế biến tại Nhà máy nông sản:

Trong năm qua, Nhà máy đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao như: Bán hàng lưu động bình ổn giá, bán hàng nông sản, dự trữ hàng hóa PC bảo lụt, tham gia các hoạt động chính trị như : Hội chợ, triển lãm... việc quảng bá nâng cao giá trị và tạo thương hiệu nông sản tỉnh nhà; trong thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản cũng như sản xuất và tiêu thụ TACN, tuy thiết bị dây chuyền SXTACN đã ổn định hoạt động tốt nhưng vẫn chưa khai thác hết công suất do dịch bệnh tả lợn châu phi, nên sản xuất cầm chừng, chỉ tập trung sản xuất thức ăn cho gà và vịt, nhưng sản lượng bán đầu ra thấp, đã ảnh hưởng đến chi phí giá thành sản xuất. Doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 36,4 tỷ đồng/ kế hoạch 44 tỷ đồng đạt 82,7% KH, trong đó TACN thực hiện đạt 10,3 tỷ đồng/kế hoạch 12,6 tỷ đồng; hàng nông sản các loại 26,1 tỷ đồng /kế hoạch 31,4 tỷ đồng. Năm 2019 Nhà

máy đã hoàn thành vượt lợi nhuận kế hoạch Công ty giao, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần giữ vững uy tín và thương hiệu của Công ty, mục tiêu vì sự phát triển của nông nghiệp của tỉnh nhà;

*** Về hoạt động kinh doanh nhập khẩu:**

Các mặt hàng nhập khẩu từ Thái Lan được mở rộng phát triển về số lượng và chủng loại mới, tuy tỷ giá USD tăng ảnh hưởng đến giá bán tăng, có nhiều đối thủ cạnh tranh và tình trạng hàng giả hàng nhái ngày càng nhiều, nhưng do chất lượng hàng hóa tốt, có thương hiệu, nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít. Doanh thu các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu là: 157,9 tỷ đồng, góp phần tạo nên thương hiệu cho Công ty.

*** Về hoạt động dịch vụ - du lịch:**

Về dịch vụ nghỉ dưỡng, nhà hàng, khách sạn: Khách sạn Sepon và Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế và thương hiệu của mình, đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước. Đặc biệt Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort đã mở thêm nhiều dịch vụ khác biệt, tạo điểm nhấn mới trong lĩnh vực nghỉ dưỡng biển Quảng Trị. Doanh thu dịch vụ du lịch năm 2019 đạt 14,9 tỷ đồng;

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	% hoàn thành KH
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	800	810	101,25
- Nộp NS địa phương (nộp thuế)	Tỷ đồng	50	49.47	98,94
- Số lao động bình quân	Người	543	534	98
- Thu nhập Bqlđ/tháng	Tr.đồng	7,5	8,6	114,6
- Lợi nhuận	Tr. đồng	16.000	20.039	125,2

Năm nay, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đều đạt và vượt là do:

- Nguồn nguyên liệu sản xuất Tinh bột sắn dồi dào, sản lượng tăng, mặc dầu doanh số không đạt kế hoạch nhưng tỷ lệ lợi nhuận trên tấn bột cao nên đạt hiệu quả;

- Các đơn vị trực thuộc đã cố gắng nỗ lực để đạt và vượt kế hoạch Công ty giao khoán, doanh số tăng, lỗ giảm, chi phí tiết kiệm, góp phần cùng Công ty hoàn thành các chỉ tiêu trên.

- Hàng hóa của Công ty sản xuất và nhập khẩu có chất lượng tốt, có thương hiệu, uy tín, nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành trong năm 2019:

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a. Tổng Giám đốc | Ông : Hồ Xuân Hiếu |
| b. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Mai Chiếm An |
| c. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Lê Quang Nhật |
| d. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Lê Văn Thế |

Kế toán trưởng

Bà : Nguyễn Thị Hạnh Nguyên

- Sơ yếu lý lịch :

Ông Hồ Xuân Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

1. Họ và tên: HỒ XUÂN HIẾU
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/9/1975
4. Nơi sinh: Tiên Mỹ - Vĩnh Lâm – Vĩnh Linh – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197018909 Cấp ngày: 15/7/2014 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903580190
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chế tạo máy
10. Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty,
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
 1. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.870.422 cổ phần; tỷ lệ: 22,26 %
 2. Số cổ phần sở hữu đại diện nhà nước: 1.290.000 cổ phần; tỷ lệ: 30% vốn NN
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Lê Văn Thế – Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: **Lê Văn Thế**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/01/1964
4. Nơi sinh: Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị 5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 9, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 190385452 Cấp ngày: 23/03/2018 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0915.075.009
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản
10. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc , Giám đốc Nhà máy TBS Hướng Hóa, Giám đốc NM CB NS Đông Hà
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 65.416 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,78%.
- Số cổ phần sở hữu đại diện vốn nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0%
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Lê Quang Nhật – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

1. Họ và tên: **LÊ QUANG NHẬT**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 9/4/1972
4. Nơi sinh: Đông Hà – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 1, Phường Đông Giang, Đông Hà, Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191289578 Cấp ngày: 16/5/2019 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0905008678

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.
10. Chức vụ đang giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc CN XNK Toàn Cầu, Giám đốc CN TPHCM&An Giang.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
3. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 348.020 cổ phần; chiếm tỷ lệ 4,14%.
4. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20%
5. Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Mai Chiếm An – Thành viên HĐQT Phó tổng giám đốc Công ty.

1. Họ và tên: MAI CHIẾM AN
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 2/3/1975
4. Nơi sinh: Hàm Tân – Thuận Hải
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 1, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197012017 cấp ngày: 05/05/2015 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903502777
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc TT DV DL Cửa Việt
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
6. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 430.056 cổ phần; tỷ lệ: 5,1%
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20%

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2019:

Trong năm không có thay đổi về ban điều hành Công ty

- **Số lượng cán bộ, nhân viên: 534 lao động**

Bảng 6: Cơ cấu lao động của Sepon Group tính đến thời điểm 31/12/2019

Phân loại	Số người	Tỷ trọng %
Tổng số lao động	534	100
<i>Trong đó:</i>		
1. Cán bộ nhân viên quản lý	21	3,9
2. Theo trình độ		
7. Đại học và trên đại học	141	26,4
8. Cao đẳng	69	12,9
9. Trung cấp, sơ cấp, bằng nghề	129	24,2
10. Lao động phổ thông	195	36,5
3. Theo tính chất hợp đồng		
11. Hợp đồng lao động	486	91
12. Thử việc	48	9
4. Theo giới tính		
13. Nam	352	65,9
14. Nữ	182	34,1

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ và điều kiện làm việc:

Thời gian làm việc: Số giờ làm việc trong tuần là 48 giờ/tuần, số giờ làm việc trong ngày là 8 giờ/ngày;

Được trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động theo đúng quy định và điều kiện đặc thù tại từng môi trường làm việc;

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

+ Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và quy chế của Công ty;

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

+ Chính sách tiền lương:

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và toàn Công ty để thực hiện, kết hợp với hiệu quả công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, vị trí, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng như: Mặt bằng thị trường lao động và thu nhập tại địa phương, hệ số trượt giá...

Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, đời sống và thu nhập của người lao động luôn được cải thiện;

Chính sách khen thưởng - kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

Chế độ phúc lợi: Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện các chế độ khác ưu tiên cho người lao động như: Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNVLĐ để tái tạo sức lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

+ Chính sách tuyển dụng đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ tay nghề tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban bộ phận, đơn vị cơ sở để Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể.

Đào tạo: Công ty ban hành quy chế tuyển dụng và đào tạo minh bạch, rõ ràng, trách nhiệm, với hình thức đào tạo tại chỗ, chuyên sâu, tạo điều kiện cho người lao động gắn học đi đôi với hành, phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc;

Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro.

+ Các chính sách khác: Theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu cấp thiết của các đơn vị cơ sở; HĐQT đã thống nhất một số hạng mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa lớn, quan trọng, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện. Tổng giá trị đầu tư năm 2019 là: 4.520.029.769đ;

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % 2019/2018
Tổng giá trị tài sản	405.413.705.675	400.915.455.263	98,77
Doanh thu thuần	717.073.733.481	809.885.847.542	112,9
Lợi nhuận từ hoạt động KD	15.448.218.757	20.337.301.253	131,65
Lợi nhuận khác	95.253.044	(298.099.590)	
Lợi nhuận trước thuế	15.543.471.801	20.039.201.663	128,92
Lợi nhuận sau thuế	15.543.471.801	20.039.201.663	128,92
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	84,28%	79,73%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,73	0,8
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn	0,19	0,35
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,74
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,96	2,81
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,54	9,7
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,77	2,02
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,2	2,5
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	15,16	19,1
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	3,83	5
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,15	2,5

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a, Cổ phần:

+ Tổng số cổ phần lưu hành : 8.400.000 CP

+ Loại cổ phần : phổ thông

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.471.520 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.928.480 cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông sáng lập theo điều 119 Luật DN 2014: 0 CP.

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông chiến lược cam kết 5 năm theo điều 6, ND 59/2011/NĐ-CP: 988.700 CP

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện theo cam kết làm việc theo năm công tác tại điều 48 ND 59/2011/NĐ-CP (hạn chế 10 năm theo giấy đăng ký của CBCNV tại thời điểm Cổ phần hóa): 939.780 CP.

b) Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2019 :

T	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước		8.400.000	84.000.000.000	100%
	- Cá nhân		6.500.000	65.000.000.000	77,38%
	- Tổ chức	1	1.900.000	19.000.000.000	22,62%
2	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng:			8.400.000	84.000.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty đã thoái vốn Nhà nước 2.400.000 cổ phiếu, làm giảm tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước còn: 22,6%

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
 e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 395.821.062.994 đồng
 b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	DANH MỤC	ĐVT	TIÊU THỤ 2019
	Trực tiếp		
1	Than đá	Tấn	2.808
2	Điện	KWh	12.523.845
3	Dầu Diezen, xăng	Lít	146.789
	Gián tiếp		
4	Điện	KWh	171.651

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
 Sáng kiến: **Thiết kế chế tạo đầu đốt đa năng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường tại Nhà máy**

****Lợi ích kinh tế:***

Khi chưa có giải pháp này nhà máy viên Năng Lượng Cam Lộ phải dùng củi bìa, cành ngọn (là nguyên liệu sản xuất chính) đốt lò sấy mùn cưa để đưa vào ép viên nén, nên giá thành sản phẩm xuất xưởng rất cao, khoảng 450 kg củi khô cho 1 tấn sản phẩm viên nén. Cần 2-3 công nhân vận hành đốt. Khi sử dụng đầu đốt đa năng thì chỉ đốt các loại viên nén kém chất lượng, liệu phế thải do dín tạp chất, vỡ cây, bụi bần thu hồi về từ hệ thống hút bụi.. (loại này trước đây phải thải bỏ) do đó tiết kiệm được chi phí và hạ giá thành xuất xưởng của sản phẩm xuống thấp hơn so với trước đây là 150.000đ/tấn sản phẩm. Với sản lượng hàng năm của nhà máy là 11.000 tấn thì giá trị kinh tế mang lại hàng năm là 1,65 tỷ đồng; tiết kiệm được 72 triệu đồng/ năm trả tiền 1 nhân công.

Bên cạnh đó đầu đốt có công suất lớn khoảng 2 triệu kcal/giờ, có thể cung cấp nhiệt lớn và ổn định nên hệ thống sấy tăng được công suất của cả dây chuyền.

****Lợi ích xã hội:***

Tận dụng tất cả các phế phẩm trong quá trình chế biến gỗ và sản xuất viên nén, góp phần chống ô nhiễm môi trường do bụi và rác thải của nhà máy.

Tạo môi trường làm việc, bền vững, thân thiện với môi trường.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: **Thiết kế chế tạo đầu đốt đa năng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường tại Nhà máy**; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Đạt Giải 3 Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn tỉnh Quảng Trị. Giá trị làm lợi: 1,6 tỷ đồng mỗi năm.

6.3. *Tiêu thụ nước*: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị, giá trị: 258.757.991đ.

Lượng nước trong năm sử dụng để sản xuất là từ nước sông và nguồn nước giếng khoan tại các nhà máy: 356.680m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.: Không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*:

a) Số lượng lao động bình quân: 534 người, mức lương trung bình đối với người lao động: 8,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Chế độ ốm đau, thai sản, tử tuất, trợ cấp mất thời việc được thực hiện đầy đủ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro, tổ chức cho CBCNV tham quan học hỏi tại các nhà máy, tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước để tái tạo sức lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, giải quyết các chế độ cho người lao động kịp thời, chính xác... Đặc biệt đã thành lập Ban ATLĐ và kiện toàn bộ máy để đảm bảo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác. Bên cạnh đó công ty thành lập quỹ tình thương SEPON. Nhiệm kỳ qua đã hỗ trợ 2 trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sửa chữa nhà cửa...

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Các đoàn thể tham gia tích cực các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào làm từ thiện đóng góp ngày lương cho quỹ vì người nghèo, huy động đóng góp tiền lương hỗ trợ CBCNV của đơn vị xây nhà tình nghĩa, sửa chữa nhà hư hỏng. Đoàn thanh niên bán bình ỏn giá, cắt tóc trẻ em, phát com từ thiện, tổ chức trao thưởng cho trẻ em dịp trung thu, vệ sinh làm sạch môi trường, chăm sóc nghĩa trang, đi đầu trong việc tham gia thả hoa trên sông Thạch Hãn và sông Hiếu nhân ngày thương binh liệt sỹ; Công đoàn và đoàn thanh niên phối hợp thực hiện tốt các cuộc Hội thi tìm hiểu về Chi thị 05 và Nghị quyết TW04 do Đảng ủy Khối tổ chức tuyên truyền, tặng quà đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, tập huấn có giá trị giáo dục đạo đức và truyền thống cao trong các đợt 20/10, 8/3, 2/9...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, đánh dấu thêm một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng Công ty, đây là năm thứ 5 Công ty hoạt động theo mô hình cổ phần, các hoạt động của Tổng Công ty ngày càng được mở rộng, phát triển lên tầm cao mới cả về lượng và chất, với chiến lược phát triển ổn định, uy tín, bền vững, đã đưa Công ty trở thành một trong những đơn vị mạnh của Tỉnh.

Thuận lợi, khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Hoạt động của Công ty luôn được chính quyền các cấp trong Tỉnh ủng hộ nên thuận lợi trong hoạt động.
- Các sản phẩm của Công ty đã có Thương hiệu uy tín cao nên đã tạo được niềm tin cho khách hàng. Chất lượng dịch vụ, sản phẩm Cty tốt nên dễ bán hàng.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo tâm huyết, dám làm và dám chịu trách nhiệm;
- Không có nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh.
- Định hướng Công ty đúng, hoạt động ổn định.
- Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao, có ý thức hơn, nội bộ Công ty đoàn kết, thống nhất cao.

b. Khó khăn:

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Tổng Công ty, đặc biệt tỷ giá USD tăng;

- Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Công ty đang chịu sự chi phối của thị trường Trung Quốc, sự cạnh tranh về nguyên liệu và nguồn cung cấp cho các nhà máy chưa đáp ứng đầy đủ thường xuyên, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá bán các mặt hàng giảm sâu và kéo dài như: Cao su, sản phẩm gỗ, thức ăn chăn nuôi... ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng Công ty;

- Các sản phẩm nông sản khác chưa thoát khỏi cảnh “*được mùa mất giá, được giá mất mùa*” sản xuất manh mún, chưa có bước đột phá trong hoạt động kinh doanh nông sản.

- Nhiều đơn vị tư nhân mở ra trên cùng địa bàn, tạo sự cạnh tranh, hàng lậu, hàng giả tràn lan, ảnh hưởng đến nhóm hàng nhập khẩu từ Thái Lan của Công ty.

- Dịch bệnh tả lợn Châu Phi trong chăn nuôi, ảnh hưởng đến sản xuất Thức ăn chăn nuôi, sản xuất cầm chừng, thị trường khách hàng bị thu hẹp;

- Hội nhập kinh tế một số chính sách thuế thay đổi; Khu kinh tế Lao Bảo bị thu hẹp, ảnh hưởng đến việc cho thuê kho và các dịch vụ khách sạn của Công ty;

- Vị trí hoạt động của Resort không thuận lợi, địa danh tham quan trong tỉnh ít, nên lượng khách đến tham quan du lịch, nghỉ dưỡng thấp, không đều, đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch của Công ty.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Tình hình tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	423.076.272.043	157.023.743.137	266.052.528.906
Máy móc thiết bị	124.697.071.079	71.463.260.073	53.233.811.006
Nhà cửa	288.162.001.559	96.565.207.636	191.596.793.963
Phương tiện vận chuyển	9.811.890.365	6.859.901.531	2.951.988.834
Thiết bị dụng cụ quản lý	405.309.000	364.822.964	40.486.036
2. Tài sản cố định vô hình	15.741.600.000	477.000.000	15.264.600.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019 là: 154.102.538.352 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/19 là : 22.509.465.916 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019 là: 15.741.600.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	140.535.368.012	148.716.731.164
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	123.363.170.738	119.127.504.433
Phải trả cho người bán	7.076.832.123	15.813.712.847
Người mua trả tiền trước	4.874.032.133	3.812.156.400
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	818.109.152	3.603.345.513
Phải trả người lao động	1.005.215.280	4.117.470.776
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.102.565.338	1.427.520.582
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.295.443.248	815.020.613
Nợ dài hạn	162.373.075.084	147.066.862.222
Phải trả dài hạn khác	925.320.246	657.655.298
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	161.447.754.838	146.409.206.924

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2019, Công ty đã tái cấu trúc một số chức danh cấp trung trong đơn vị, bổ nhiệm Phó giám đốc nhà máy viên năng lượng Cam Lộ, Phó giám đốc nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của 2 đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
- Tổng doanh thu	tỷ đồng	850
- Nộp NS địa phương (thuế địa phương)	tỷ.đ	55
- Thu nhập BQ người LĐ/tháng	Tr.đ	8,5
- Lợi nhuận	Tỷ.đ	21
- Cổ tức	%	≥20%

4.1. Về công tác sản xuất:

- Nghiên cứu, quyết tâm xây dựng các phương án để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại về công tác quản lý điều hành, về khai thác các tài sản, thiết bị máy móc đã đầu tư chưa sử dụng hết để tránh lãng phí;

- Tiếp tục bổ sung đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp máy móc, thay đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại, cần thiết, cấp bách, kịp thời để tăng năng suất lao động, giảm nhân công, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, giảm tải sức lao động đối với các nhà máy trong toàn Công ty;

- Xây dựng các phương án mở rộng vùng nguyên liệu, đầu tư bài bản để cung cấp nguyên liệu lâu dài cho các hoạt động của các nhà máy hiện có;

- Làm tốt công tác phối hợp, liên kết giữa nông dân với Nhà máy, xây dựng vùng nguyên liệu cho các nhà máy, Sản, cao su, gỗ FSC;

- Khuyến khích bà con nông dân bón phân, thâm canh các cây trồng làm nguyên liệu cho các Nhà máy Tinh bột sắn, cao su, nông sản, Viên Năng Lượng.

- Bố trí lao động và phương tiện hợp lý, quản lý sử dụng thiết bị chặt chẽ, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ phù hợp đảm bảo hoạt động tốt và nâng cao tuổi thọ của máy.

4.2. Về kinh doanh XNK, thương mại, du lịch và dịch vụ:

- Duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ tại các tỉnh thành trong cả nước, chú trọng cung cấp nguồn hàng ổn định cho các Siêu Thị lớn và các đối tác uy tín. Tìm kiếm mặt hàng mới khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới;

- Tìm kiếm các khách hàng, bạn hàng ổn định, thị trường mới trong và ngoài nước cho sản phẩm: Tinh bột sắn, Cao Su, viên nén, gỗ thành phẩm tinh chế, nâng cao chất lượng sản phẩm viên nén, thức ăn chăn nuôi...

- Tăng cường công tác thu mua chế biến hàng nông sản đối với những sản phẩm có hiệu quả, khả năng triển vọng phát triển bền vững lâu dài, đồng thời phát triển mạng lưới hàng nông sản do Công ty sản xuất vào các siêu thị. Nhập khẩu các sản phẩm nông sản từ Lào, Thái Lan, Nhật Bản. Xuất khẩu các sản phẩm của Công ty sản xuất, sản phẩm trong tỉnh như gỗ ép để tăng lợi nhuận và kim ngạch xuất khẩu;

- Nâng cao chất lượng phục vụ trong hoạt động khách sạn, nghỉ dưỡng để thu hút được khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh tế và giữ vững uy tín thương hiệu. Tăng cường liên kết với các công ty du lịch, lữ hành trong và ngoài tỉnh để thu hút khách hàng. Nắm bắt các sự kiện trong năm để có phương án kinh doanh phù hợp, tổ chức thêm nhiều sự kiện để thu hút khách tham gia.

4.3. Về đầu tư, XD/CB, sửa chữa, mua sắm:

- Tính toán, cân nhắc kỹ trong đầu tư xây dựng cơ bản, xây mới các công trình, ưu tiên nâng cấp, sửa chữa các hạng mục cấp thiết phục vụ cho hoạt động tại các đơn vị; Các thiết bị hư hỏng, xuống cấp, tính toán đầu tư công nghệ mới, áp dụng tự động hóa để tăng năng suất, hiệu quả, giảm tải lao động thủ công;

4.4. Về tài chính:

- Tìm kiếm, lựa chọn nguồn vốn vay có lãi suất thấp nhằm giảm thiểu chi phí tài chính, công khai minh bạch và quản lý chặt các khoản chi phí, củng cố và phát triển các mối quan hệ, huy động mọi nguồn lực bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;

- Tính toán lại, tìm nguồn tài chính, tiết giảm tối đa các khoản chi phí không cần thiết, trích lập các khoản dự phòng, các nguồn lãi thu được phân bổ dần để trả nợ vay dài hạn, dự phòng rủi ro có thể xảy ra;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát phân tích kịp thời nhằm phát hiện những phát sinh, bất cập trong hoạt động SXKD, trong quản lý và sử dụng vốn để có giải pháp phù hợp, kịp thời bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

4.5. Về nhân lực:

- Rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ nhân viên trên cơ sở năng lực sở trường đúng với công việc nhằm phát huy khả năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, học hỏi kinh nghiệm nâng cao tay nghề, chất lượng nguồn nhân lực, có chế độ đãi ngộ thích hợp tạo động lực để giữ vững và thu hút nhân tài.

4.6. Về công tác khác:

- Chỉ đạo, phân công, thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty giai đoạn 2 (phần còn lại 1,9 triệu cổ phần) theo chỉ đạo của Tỉnh và quy định của Chính phủ.

- Kiện toàn các nội quy, quy chế nhằm tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện An toàn vệ sinh lao động, PCCC, phòng chống thiên tai tại các đơn vị cơ sở, rà soát bổ sung quy chế chặt chẽ, để phòng ngừa hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản của Công ty;

- Tiếp tục giao quyền rộng cho các đơn vị. Công ty sẽ đáp ứng kịp thời về vốn, cơ sở vật chất, nhân sự, đối ngoại và pháp lý khi đơn vị có yêu cầu.

- Xây dựng thang, bảng lương mới phù hợp quy định, thực hiện tốt chính sách chế độ hàng năm theo quy định của Bộ luật Lao động và Bảo hiểm xã hội;

- Khoán toàn bộ các khoản chi phí từ khấu hao, lãi vay các loại bảo hiểm đến từng phòng ban, bộ phận, đơn vị cơ sở để đánh giá chính xác năng lực quản lý của người đứng đầu và hiệu quả hoạt động điều hành SXKD của từng đơn vị trực thuộc;

- Tranh thủ vốn đối ứng, các nguồn hỗ trợ vốn từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các dự án nước ngoài hỗ trợ trực tiếp, các Quỹ trong nước.

- Duy trì và phát huy các phong trào thi đua, cải tiến phong trào sáng kiến; nâng cao ý thức về ATLĐ, PCCC, ATVSTP, thực hành tốt 5S trong toàn thể CBCNV.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2019 là năm có nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, sự

biến động của giá cả vật tư và tỷ giá đồng tiền ngoại tệ, lãi suất ngân hàng, đồng thời sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị nói riêng, nhưng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và tập thể CB-CNV Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ đề ra, cải thiện lợi ích thiết thực cho Người lao động và Quý cổ đông.

Năm 2019 Công ty đạt được các kết quả như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Hoàn thành
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	800	810	101
2	Tổng Lợi nhuận	Tỷ đồng	16	20	125
3	Tỷ lệ Lợi nhuận trên vốn	%	19	24	126

Với kết quả trên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 24 % nên cũng đã đáp ứng mong đợi của tất cả cổ đông (cao hơn so với lãi suất huy động của ngân hàng).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

* HĐQT Công ty luôn theo dõi sát sao nắm bắt chỉ đạo kịp thời quá trình điều hành và kinh doanh, thông qua các báo cáo văn bản của Ban điều hành gửi HĐQT.

+ Trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Ban điều hành đã chấp hành đầy đủ các quy định của các Bộ luật: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật lao động, các Luật thuế, thực hiện đầy đủ các quy định theo điều lệ Công ty.

+ Ban Tổng giám đốc đã điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra đem lại lợi nhuận cho các cổ đông.

+ Công ăn việc làm và thu nhập của CBCNV ổn định người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 là năm Công ty còn gặp khó khăn, nhưng HĐQT và Ban điều hành vẫn xác định việc chuyển đổi định hướng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu lại các hạng mục đầu tư làm nền tảng phục vụ định hướng phát triển lâu dài của Công ty. Chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đồng thời tăng cường công tác quản trị công ty, sắp xếp công tác nhân sự, tổ chức lại sản xuất, tích cực thu hồi công nợ. Các chỉ tiêu thực hiện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm
----------	-------------	-----

		Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
Vốn điều lệ	Triệu đồng	84.000	84.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	810.000	850.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.039	21.000
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	2,4	2,47
Tỷ lệ LNST/Vốn đầu tư của CSH	%	23,8	25
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20,27	>=20

*Các nhóm giải pháp chính để thực hiện kế hoạch năm 2020:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2020 đề ra; HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty chủ yếu tập trung vào các vấn đề chính như:

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ đưa ra, ban hành các chủ trương để chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động đồng thời khắc phục những hạn chế yếu kém của HĐQT còn tồn tại;

2. Nắm bắt chặt chẽ diễn biến của thị trường, đặc biệt sau Đại dịch Covid-19 kịp thời có các giải pháp ứng phó linh hoạt. Tập trung quản trị khắc phục những khó khăn đối với các đơn vị.

3. Quản lý và phát triển các vùng nguyên liệu để đáp ứng cho các nhà máy hoạt động trước mắt và lâu dài, kể cả phía bạn Lào, nghiên cứu đầu tư sâu các sản phẩm của Công ty từ sản phẩm Tinh bột sắn, chế biến gỗ tinh chế, cao su, TACN...

4. Tăng cường quản lý khai thác có hiệu quả các tài sản đã đầu tư; rà soát các định mức kinh tế, kỹ thuật để giảm dần chi phí đối với các nhà máy, có sự so sánh, đảm bảo tính cạnh tranh, đạt hiệu quả cao sau đầu tư.

5. Chủ động hội nhập Quốc tế, tìm kiếm đối tác khách hàng, các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức trong và nước ngoài để mở rộng hoạt động SX của các nhà máy, tăng cường quảng bá các dịch vụ du lịch của Công ty, thương hiệu Sepon Group, hỗ trợ tích cực các đơn vị cơ sở và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tinh giao.

6. Công tác quản lý tài chính phải chặt chẽ, duy trì tốt công tác khoán quản, quản trị kiểm tra kiểm soát, không để công nợ khó đòi phát sinh mới;

7. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thành việc thoái vốn nhà nước còn lại theo đúng lộ trình quy định;

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị năm 2019 đó là:

- | | | |
|----|-----------------------------|---------------------|
| a. | Thành viên thường trực HĐQT | Ông: Phan Chí Ngang |
| b. | Thành viên HĐQT | Ông: Hồ Xuân Hiếu |
| c. | Thành viên HĐQT | Ông: Lê Quang Nhật |
| d. | Thành viên HĐQT | Ông : Mai Chiếm An |

Sơ yếu lý lịch của ông Phan Chí Ngang, ông Hồ Xuân Hiếu, ông Lê Quang Nhật, ông Mai Chiếm An đã được trình bày tại Mục II.2

Ông Phan Chí Ngang – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: PHAN CHÍ NGANG
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/8/1960
4. Nơi sinh: Triệu Trạch – Triệu Phong – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP1, Phường 5, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191240102 Cấp ngày: 07/02/2017 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0914 312 234
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Trung cấp lao động tiền lương.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Thành viên HĐQT, Chánh văn phòng Công ty
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 41.098 cổ phần; tỷ lệ: 0,49 %
14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: cổ phần 1.290.000 ; tỷ lệ:30%
15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

* **Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước:** Đối với các cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ủy quyền đại diện vốn: 4.300.000 CP. Sau khi thoái vốn nhà nước 2.400.000 cổ phiếu (đến tháng 10/2019), cổ phần nhà nước còn lại là 1.900.000 CP. Trong năm 2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chưa có văn bản Ủy quyền cho cá nhân nào.

* **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2019, HĐQT Công ty thông qua nhiều Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định; Nhìn chung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, có sự đồng thuận cao. Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nghiêm túc;

Các phiên họp thường kỳ, đột xuất của HĐQT trong năm 2019 gồm nội dung chính là: Định hướng, chủ trương và giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, vay vốn, bổ nhiệm cán bộ của Công ty và các đơn vị cơ sở..

Nhìn chung trong năm 2019, có thể nói hoạt động của HĐQT đã đạt được những kết quả khả quan.

Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết/Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động SXKD như sau:

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	10/QĐ- HĐQT	08/03/2019	Quyết định giao nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 toàn công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc
2	26/NQ-HĐQT	10/06/2019	Nghị quyết thông qua vay vốn, bảo lãnh ngân hàng NHNN PTNT
3	30/QĐ-HĐQT	02/07/2019	Quyết định đồng ý chủ trương thanh lý tài sản cố định
4	31/TM-ĐKĐGSEP	23/7/2019	Về việc đăng ký đấu giá bán cổ phần tổng công ty
5	50/BB-HĐQT	20/9/2019	BB họp HĐQT mở rộng về giao TTDVDL Cửa Việt sử dụng nhãn hiệu SEPON TRAVEL
6	40/NQ-HĐQT	23/12/2019	Nghị quyết HĐQT công ty về gia hạn chức danh TV HĐQT, BKS đến khi

			ĐHĐCĐ thường niên 2020 và bổ nhiệm lại nhân sự TGD, PTGD, KTT
--	--	--	---

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị gồm 03 thành viên:

- | | | |
|----|--------------------------|----------------------------|
| a. | Trưởng Ban kiểm soát | Ông: Mai Chiếm Hùng |
| b. | Thành viên Ban kiểm soát | Bà : Trần Thị Thanh Phương |
| c. | Thành viên Ban kiểm soát | Ông : Nguyễn Đức Hải |

Sơ yếu lý lịch :

Ông Mai Chiếm Hùng – Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên: MAI CHIẾM HÙNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/6/1973
- Nơi sinh: Đông Giang – Đông Hà – Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Đông Giang, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
- Chứng minh thư nhân dân số: 191289543 Cấp ngày: 3/6/2008 tại: Công an Quảng Trị
- Điện thoại liên hệ: 0905292119
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị: Trưởng ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 22.095 cổ phần; tỷ lệ: 0,263 %
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0%
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Bà Trần Thị Thanh Phương – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 14/09/1987
4. Nơi sinh: Vạn Ninh- Quảng Ninh- Quảng Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 12/26/3 Hàm Nghi, Khu phố 6, Phường I, Đông Hà, Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197196198 Cấp ngày: 13/03/2009 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0911.468.969
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.641 cổ phần; tỷ lệ: 0,079%
14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Nguyễn Đức Hải – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HẢI
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/05/1977
4. Nơi sinh: TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 01 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Đông Lễ, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 197056476 Cấp ngày 20/11/2007 tại Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903536367
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.612 cổ phần; tỷ lệ: 0,126%
14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp quy định;

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, lấy ý kiến thông qua điện thoại, thư điện tử, thống nhất thực hiện các nội dung công việc như; Sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng chương trình và thực hiện kiểm tra giám sát năm 2019, chương trình kiểm tra giám sát phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đối với Công ty và các phòng ban đơn vị trực thuộc.

Triển khai kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, các quyết định của HĐQT & Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, sửa chữa của Tổng công ty; Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành;

Xem xét thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, đơn vị cơ sở để nắm thông tin và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp;

Tham gia hoàn thiện đề ban hành các quy chế quy định của Tổng công ty; Thẩm định quỹ lương và thực hiện một số công việc của Tổng công ty, có báo cáo kết luận và đề xuất phương án điều chỉnh kịp thời.

*** Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, BTGD và các bộ quản lý khác:**

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát đã chú trọng công tác kiểm tra, giám sát phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ quy định điều lệ, các quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước để cùng nhau quản lý tốt vốn của Cổ đông;

Các kiến nghị đề xuất của Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tiếp nhận và triển khai kịp thời;

*** Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020:**

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2014, Điều lệ Tổng Công ty và nhiệm vụ ĐHCĐ thường niên giao; Phối hợp tốt với HĐQT & BTGD, lãnh đạo các đơn vị cơ sở tập trung vào các mặt công tác sau:

- Kiểm tra/giám sát việc ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, nghị quyết, quyết định của HĐQT & BTGD trong công tác quản lý điều hành; Việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính, việc lập báo cáo tài chính và công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;

- Kiểm tra/giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD hàng năm của Tổng Công ty; Công tác lãnh đạo điều hành của các đơn vị;

- Giám sát việc chi trả cổ tức hàng năm, việc chuyển nhượng cổ phần (nếu có); Công bố thông tin theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn quản trị đối với Công ty Đại Chúng;

- Giám sát việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của Chính phủ;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và khi có yêu cầu;

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát sẽ có ý kiến và kiến nghị đề xuất với HĐQT và BTGD để nâng cao hiệu quả quản trị điều hành Tổng Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

Tổng mức chi trả thù lao của người quản lý không chuyên trách và tiền thưởng cho người quản lý công ty phù hợp với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Cụ thể:

TT	Chức vụ	Số lượng (người)	Kế hoạch (Ngàn đồng)	Số tiền được chi (Ngàn đồng)	Số tiền đã chi (Ngàn đồng)
1	Thù lao Người quản lý không chuyên trách: thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2019	02	172.800	207.360	72.000
2	Tiền lương người quản lý chuyên trách (TTHĐQT, BTGD, KTT, TB KS)	7	3.024.000	3.628.800	3.024.000
3	Tiền thưởng của người quản lý chuyên trách công ty bao gồm người đại diện phần vốn NN và không phải đại diện phần vốn NN: TV HĐQT, BTGD, TV BKS, Kế toán trưởng	9		583.000	0
	Tổng cộng		3.196.800	4.419.160	3.096.000

*** Giao dịch cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

1. Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

Ngày 26/02/2019, Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 5.000 cổ phiếu, tăng cổ phần từ 633.672 cổ phần lên 638.672 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,6%.

Ngày 09/04/2019, Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 3.000 cổ phiếu, tăng cổ phần từ 638.672 cổ phần lên 641.672 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,64%.

Ngày 23/08/2019, Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 31.250 cổ phiếu, giảm cổ phần từ 641.672 cổ phần còn 636.822 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,58% .

Ngày 11/9/2019: Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 26.400 cổ phiếu, giảm cổ phần từ 636.822 cổ phần còn 610.422 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,26% .

Ngày 03/10/2019: Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 1.260.000 cổ phiếu, nâng cổ phần từ 610.422 cổ phần lên 1.870.422 cổ phần chiếm tỷ lệ 22,26%

2. Ông Lê Quang Nhật - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Từ ngày 13/08/2019 đến ngày 20/08/2019, Ông Lê Quang Nhật - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công 2.000 cổ phần, nâng cổ phần từ 344.720 cổ phần lên 346.720 chiếm tỷ lệ 4,12%.

Ngày 23/9/2019: Ông Lê Quang Nhật - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công 1.300 cổ phần, nâng cổ phần từ 346.720 cổ phần lên 348.020 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,14%.

3. Ông Lê Văn Thế - Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày 11/9/2019: Ông Lê Văn Thế - Phó Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công 26.400 cổ phần, nâng cổ phần từ 39.016 cổ phần lên 65.416 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,78%.

4. Ông Mai Quốc Toàn - người có liên quan người nội bộ (em ruột) ông Mai Chiếm An – TVHĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Từ ngày 08/4/2019 đến 7/5/2019 ông Mai Quốc Toàn - người có liên quan người nội bộ (em ruột) ông Mai Chiếm An – TVHĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty mua thành công 9.600 cổ phiếu nâng cổ phần từ 21.986 cổ phần lên 31.586 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,38%.

Từ ngày 8/5/2019 đến 07/06/2019 ông Mai Quốc Toàn- người có liên quan người nội bộ (em ruột) ông Mai Chiếm An - TVHĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty mua thành công 2.500 cổ phần nâng cổ phần từ 31.586 cổ phần lên 34.086 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,41%.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Bản cứng đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải lên website Công ty.

Ban Giám đốc điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hiếu